

Bản án số: **194/2025/HS-PT**

Ngày: 17/4/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Tồn**

Các thẩm phán: Ông **Lê Văn Thường**

Bà **Võ Thị Ngọc Dung**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Minh Hoàng**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Lê Văn Thành**, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 624/2024/TLPT-HS ngày 11 tháng 11 năm 2024, đối với bị cáo **Phan Thị Mỹ H** về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, “*Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Do có kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 66/2024/HS-ST ngày 30/9/2024 của **Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định**.

*** Bị cáo bị kháng cáo:**

Phan Thị Mỹ H, sinh ngày: 13/10/1987 tại tỉnh Bình Định; nơi ĐKNKTT: **Tổ C, khu phố T, phường T, thị xã H, tỉnh Bình Định**; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn (văn hóa): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: **P** (chết) và bà **Huỳnh Thị Đ**, sinh năm 1968; chồng: **La Văn T**, sinh năm: 1985, con: có 02 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 13/12/2023. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Phan Thị Mỹ H: Ông **Trương Công N** - Luật sư Công ty L thuộc Đoàn luật sư tỉnh B. Có mặt

Địa chỉ: **F T, thành phố Q, tỉnh Bình Định**.

- Bị hại có kháng cáo và liên quan đến kháng cáo

1. Chị **Nguyễn Thị Ngọc B**, sinh năm: 1990. Có mặt

Trú tại: **2 H, thành phố Q, tỉnh Bình Định**.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư **Nguyễn Văn T1** – Văn phòng Luật sư **T1** và Cộng sự, **Đoàn Luật sư tỉnh B**. Có mặt

Địa chỉ: 108 Nguyễn Thái Học, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

2. Anh **Phan Kim H1**, sinh năm: 1990.

Trú tại: **Tổ C, khu V, phường H, thành phố Q, tỉnh Bình Định**. Có đơn đơn xin xét xử vắng mặt

3. Ông **Trần Đông Q**, sinh năm: 1975.

Trú tại: **Khu phố T, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định**. Có mặt

4. Bà **Nguyễn Thị Đ1**, sinh năm: 1974

Trú tại: **Khu phố T, phường T, thị xã H, tỉnh Bình Định**. Vắng mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **La Văn T**, sinh năm: 1985; Trú tại: **Khu phố T, phường T, thị xã H, tỉnh Bình Định**. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Thị Mỹ H (Sinh năm: 1987, trú tại: KP. Thiện Chánh, **P. Tam Quan B, TX. H, tỉnh Bình Định**) có nghề nghiệp chính là mua bán hải sản, **H** còn làm thêm dịch vụ cho vay tiền bằng cách vay tiền của người khác với lãi suất thấp rồi cho người có nhu cầu vay lại với lãi suất cao hơn để hưởng chênh lệch về tiền lãi. Đến khoảng cuối năm 2022, **H** làm ăn bị thua lỗ, nợ tiền của nhiều người và bị nhiều chủ nợ hối thúc trả tiền nên **H** nảy sinh ý định sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất (gọi tắt là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) giả để thế chấp cho người khác lấy tiền trả nợ. Từ tháng 12/2022 đến tháng 5/2023, **H** đã 03 lần nhờ đối tượng (không rõ lai lịch) làm 04 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả gồm 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 56B, tờ bản số 03, diện tích 255,0m², địa chỉ: **TT. T, huyện H**, số CD 402354, số vào sổ cấp GCN: CS010863 ngày 24/9/2020 cho **Phan Thị Mỹ H**, 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 56B, tờ bản số 03, diện tích 255,0m², địa chỉ: **TT. T, huyện H**, số CD 402354, số vào sổ cấp GCN: AD 470586 ngày 24/9/2020 cho **Phan Thị Mỹ H** và 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 1575, tờ bản đồ số 11, diện tích 905,2m², địa chỉ: **Thôn T, xã H, huyện H**, số CR 728665, số vào sổ cấp GCN: CS02618 ngày 20/12/2019 cho **Trần Thị Minh T2**, đã chuyển nhượng cho **Phan Thị Mỹ H** và **La Văn T** (chồng **H**) vào ngày 13/01/2023. **H** đã sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để lừa đảo chiếm đoạt tiền của chị **Nguyễn Thị Ngọc B**, anh **Phan Kim H1**, ông **Trần Đông Q** và bà **Nguyễn Thị Đ1** tổng cộng là **3.208.500.000 đồng**, cụ thể như sau:

1. Đối với chị Nguyễn Thị Ngọc B

Vào ngày 21/12/2022, **Phan Thị Mỹ H** sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả thửa đất số 56B, tờ bản số 03, diện tích 255,0m², địa chỉ: **TT. T, huyện H**, số CD 402354, số vào sổ cấp GCN: CS010863 ngày 24/9/2020 thế chấp cho chị **Nguyễn Thị Bích N1** để vay số tiền 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 28/3/2023 (ÂL), lãi suất 06%/tháng. Thời điểm này, chị **B** ở **TP .**, còn chị **H** ở **TX**. **H** nên chị **B** nói **H** đến nhà của bà **Hồ Thị Lệ C** (đi của chị **B**, là người giới thiệu để **H** vay tiền của chị **B**) ở **khối C, P. T, TX**. **H** viết giấy vay tiền, rồi đưa giấy vay tiền và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà **C** kiểm tra, cất giữ giùm cho chị **B**. Tại nhà bà **C**, **H** thực hiện đúng theo yêu cầu của chị **B**, bà **C** kiểm tra giấy tờ không phát hiện dấu hiệu gì nghi vấn nên gọi điện thoại thông báo cho chị **B** biết, còn **H** chụp hình ảnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy vay tiền gửi qua Zalo cho chị **B** xem. Tin tưởng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà **H** thế chấp là thật nên từ ngày 21/12/2022 đến 21/02/2023 chị **B** cho **H** vay **08** lần với số tiền **2.725.000.000** đồng, **H** đã trả được số tiền **1.850.600.000** đồng (gồm 1.725.000.000 đồng tiền gốc, 105.600.000 đồng tiền lãi và 20.000.000 đồng tiền cảm ơn). Số tiền chị **B** bị chiếm đoạt trong đợt này là **874.400.000** đồng.

Cuối tháng 02/2023, **H** tiếp tục đưa ra thông tin gian dối là vợ chồng **H** còn sở hữu thửa đất số 1575, tờ bản đồ số 11, diện tích 905,2m² tại **khu phố T, phường H, TX**. **H**, nhưng thực tế vợ chồng **H** đã chuyển nhượng cho bà **Nguyễn Thị Li S** vào ngày 06/01/2023. **H** gửi hình ảnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất này qua Zalo cho chị **B** xem và hẹn sẽ giao lại Giấy chứng nhận này cho chị **B** sau. Tin tưởng những thông tin mà **H** đưa ra là thật nên từ ngày 24/02/2023 đến ngày 17/5/2023 chị **B** cho **H** vay **11** lần với số tiền **3.030.000.000** đồng, **H** đã trả được số tiền **1.753.800.000** đồng (gồm 1.702.000.000 đồng tiền gốc, 31.800.000 đồng tiền lãi và 20.000.000 đồng tiền cảm ơn). Số tiền chị **B** bị chiếm đoạt trong đợt này là 1.276.200.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền mà **Phan Thị Mỹ H** chiếm đoạt của chị **Nguyễn Thị Ngọc B** là **2.150.600.000** đồng.

2. Đối với anh Phan Kim Hậu

Anh Phan Kim Hậu và chị **Nguyễn Thị Ngọc B** trước đây là vợ chồng nhưng đã ly hôn. Vào tháng 4/2023, chị **B** cùng anh **H1** và **H** thống nhất thỏa thuận chuyển số tiền vay gốc mà **H** còn nợ là 1.000.000.000 đồng và việc thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 56B, tờ bản số 03, diện tích 255,0m², địa chỉ: **TT. T, huyện H**, số CD 402354, số vào sổ cấp GCN: CS010863 ngày 24/9/2020 từ chị **B** sang cho anh **H1**, **H** có trách nhiệm tiếp tục trả cho anh **H1** số tiền 1.000.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Sau đó, **H** tiếp tục hỏi vay tiền của anh **H1**, tin tưởng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà **H** thế chấp là thật nên từ ngày 18/4/2023 đến ngày 05/5/2023 anh **H1** cho **H** vay **05** lần với số tiền **254.000.000** đồng, **H** đã trả được số tiền **95.100.000** đồng (gồm 92.000.000 đồng tiền gốc và 3.100.000 đồng tiền lãi). Số tiền anh **Hậu B1** chiếm đoạt trong đợt này là **158.900.000** đồng.

3. Đối với bà Nguyễn Thị Đ1

Ngày 11/5/2023 và ngày 16/5/2023, **Phan Thị Mỹ H** thế chấp 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả gồm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 56B, tờ bản số 03, diện tích 255,0m², địa chỉ: **TT. T, huyện H**, số CD 402354, số vào sổ cấp GCN: CS010863 ngày 24/9/2020 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 1575, tờ bản đồ số 11, diện tích 905,2m², địa chỉ: **Thôn T, xã H, huyện H**, số CR 728665, số vào sổ cấp GCN: CS02618 ngày 20/12/2019 cho bà **Nguyễn Thị Đ1** để vay số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay 08 ngày, lãi suất 2.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Tin tưởng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà **H** thế chấp là thật nên bà **Đ1** cho **H** vay 02 lần với số tiền **500.000.000** đồng (ngày 11/5/2023 cho vay 450.000.000 đồng và ngày 16/5/2023 cho vay 50.000.000 đồng), **H** đã trả được số tiền **201.000.000** đồng (gồm 200.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi). Số tiền bà **Đ1** bị chiếm đoạt trong đợt này là **299.000.000** đồng.

4. Đối với ông **Trần Đông Q**

Ngày 15/5/2023, **Phan Thị Mỹ H** sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất giả thửa đất số 56B, tờ bản số 03, diện tích 255,0m², địa chỉ: **TT. T, huyện H**, số CD 402354, số vào sổ cấp GCN: AD470586 ngày 24/9/2020 thế chấp cho ông **Trần Đông Q** để vay số tiền 600.000.000 đồng, thời hạn vay 03 ngày (từ ngày 15/5/2023 đến ngày 18/5/2023), lãi suất 2.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Tin tưởng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà **H** thế chấp là thật nên ngày 15/5/2023 ông **Q** cho **H** vay số tiền **600.000.000** đồng, **H** chưa trả được khoản tiền nào. Số tiền ông **Q** bị chiếm đoạt trong đợt này là **600.000.000** đồng.

Qua trình điều tra, Cơ quan điều tra tạm giữ 04 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà **H** sử dụng thế chấp để vay tiền, chị **B** cung cấp giấy vay tiền ngày 21/12/2022 (bản photo). Kết quả giám định như sau:

- Tại Bản kết luận giám định số: 440/KL-KTHS ngày 12/10/2023 của **Phòng K - Công an tỉnh B** kết luận: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, ghi tên **Phan Thị Mỹ H**, năm sinh 1987, CMND số: 215105110, địa chỉ thường trú: **Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Bình Định**, số 402354, số vào sổ cấp GCN: AD 470586 (ký hiệu A1) và 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, ghi tên **Phan Thị Mỹ H**, năm sinh 1987, CMND số: 215105110, địa chỉ thường trú: **Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Bình Định**, số 402354, số vào sổ cấp GCN: CS 010863 (ký hiệu A2) là giả.

- Tại Bản kết luận giám định số: 31/KL-KTHS ngày 26/01/2024 của **Phòng K - Công an tỉnh B** kết luận: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ghi họ tên **Phan Thị Mỹ H**, năm sinh 1987, CMND số: 215105110, địa chỉ thường trú: **Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Bình Định**, số CD 402354 (ký hiệu A1) và 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ghi họ tên **Trần Thị Minh T2**, năm sinh: 1965, CMND số: 211053563, địa chỉ thường trú: **Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Bình Định**, số CR 728665 (ký hiệu A2) là giả.

- Tại Văn bản số: 184/PC09 ngày 16/4/2024 của **Phòng K - Công an tỉnh B** thông báo không tiến hành giám định chữ ký, chữ viết photo đứng tên **La Văn T** trong hợp đồng thỏa thuận vay tiền (đề ngày 28/11/2022 Âl).

Về vật chứng: Cơ quan điều tra tạm giữ 04 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất giả.

Về dân sự: Chị **B** yêu cầu bồi thường số tiền 2.150.600.000 đồng, anh **H1** yêu cầu bồi thường số tiền 158.900.000 đồng, ông **Q** yêu cầu bồi thường số tiền 600.000.000 đồng, bà **Đ1** yêu cầu **H** bồi thường số tiền 299.000.000 đồng. **H** và gia đình đã bồi thường cho bà **Đ1** số tiền 300.000.000 đồng và bà **Đ1** xin giảm nhẹ hình phạt cho **H**.

Từ những nội dung được xác định nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 66/2024/HS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b khoản 3 Điều 341; Điều 55 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào điểm a, c khoản 1 Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Phan Thị Mỹ H** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

2. Về hình phạt: Xử phạt: Bị cáo **Phan Thị Mỹ H** 13 (Mười ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 03 (Ba) năm tù về tội “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 16 (Mười sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 13/12/2023.

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo **Phan Thị Mỹ H** có trách nhiệm trả cho các bị hại số tiền chiếm đoạt, cụ thể như sau:

- Bà **Nguyễn Thị Ngọc B**: 2.150.600.000 đồng;
- Ông **Phan Kim H1**: 158.900.000 đồng;
- Ông **Trần Đông Q**: 600.000.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về phân xử lý vật chứng, án phí, thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 01/10/2024 bị hại **Nguyễn Thị Ngọc B** có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo và xem xét lại tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

Ngày 02/10/2024 bị hại [Phan Kim H1](#) có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo và xem xét vai trò của ông [La Văn T](#).

Ngày 15/10/2024 bị hại [Trần Đông Q](#) có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các bị hại là chủ thể có quyền kháng cáo, kháng cáo trong thời hạn luật định nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của các bị hại thì thấy:

[2.1] Về hành vi phạm tội:

Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay, bị cáo [Phan Thị Mỹ H](#) khai nhận hành vi phạm tội của mình, thể hiện:

Do cần tiền trả nợ nên từ tháng 12/2022 đến tháng 5/2023, [Phan Thị Mỹ H](#) đã 03 lần nhờ đối tượng (không rõ lai lịch) làm 04 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả và dùng thủ đoạn gian dối sử dụng 04 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để thế chấp vay tiền của 04 cá nhân rồi chiếm đoạt tiền của 04 bị hại tổng số tiền là 3.208.500.000 đồng.

Trong đó: chiếm đoạt của chị [Nguyễn Thị Ngọc B](#) là 2.150.600.000 đồng; chiếm đoạt của anh [Phan Kim H1](#) 158.900.000 đồng; chiếm đoạt của bà [Nguyễn Thị Đ1](#) 299.000.000 đồng; chiếm đoạt của ông [Trần Đông Q](#) 600.000.000 đồng.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã phân tích đánh giá về tính chất mức độ, hành vi thực hiện tội phạm và hậu quả gây ra và đã áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử phạt bị cáo [Phan Thị Mỹ H](#) 14 (mười bốn) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và 03 năm tù về tội “*Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” là có căn cứ, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2] Xét kháng cáo của các bị hại: Các bị hại kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo và xem xét lại tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “người phạm tội là người có công với cách mạng hoặc là cha, mẹ, vợ, chồng, con của liệt sĩ” quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ Luật hình sự. Thấy rằng, Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “người phạm tội là người có công với cách mạng hoặc là cha, mẹ, vợ, chồng, con của liệt sĩ” quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ Luật hình sự đối với bị cáo. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm không có cơ sở xem xét. Đối với kháng cáo xem xét vai trò của ông [La Văn T](#) (chồng bị cáo) đã được cấp sơ thẩm xem xét, làm rõ và không có cơ sở xử lý đối với ông [La Văn T](#). Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay, các bị hại kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo và xem xét vai trò ông [La Văn T](#) nhưng không cung cấp tài liệu chứng cứ mới, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của các bị hại **Nguyễn Thị Ngọc B, Phan Kim H1, Trần Đông Q**, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b khoản 3 Điều 341; Điều 55 của Bộ luật Hình sự. Tuyên xử:

Tuyên bố bị cáo **Phan Thị Mỹ H** phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Xử phạt: Bị cáo **Phan Thị Mỹ H** 13 (Mười ba) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và 03 (Ba) năm tù về tội “*Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 16 (Mười sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 13/12/2023.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị hại không phải chịu.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Bình Định;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Bình Định;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Bình Định;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Định;
- Trại tạm giam CA tỉnh Bình Định; Bị cáo;
- Cục THADS tỉnh Bình Định;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Phạm Tồn